

BẢNG GIÁ SƠN DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP

(Số 46 - Áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2025)

STT	SẢN PHẨM	MÃ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
1	SƠN CHỐNG RỈ CADIN			
2	Sơn chống rỉ màu đỏ, đỏ M	A101	Lon/0.8 L	55.000
3			Lon/03 L	165.000
4			Lon/05 L	275.000
5			Th/17.5 L	962.500
6	Sơn chống rỉ màu xám		Lon/ 0.8 L	60.000
7			Lon/03 L	180.000
8			Lon/05 L	300.000
9			Th/17.5 L	1.050.000
10	Sơn chống rỉ clo màu xám (cho vùng mặn)	A102	Lon/0.8 L	80.000
11			Lon/05 L	400.000
12			Th/17.5 L	1.330.000
13	Sơn kẽm lạnh (Kẽm trên 99%)	A103	Lon/0.8 L	95.000
14			Lon/04 L	380.000
15			Th/16 L	1.444.000
16	Sơn chống rỉ nhanh khô, bền bỉ	A104	Lon/0.8 L	85.000
17			Lon/05 L	425.000
18			Lon/17.5 L	1.413.125
19	SƠN CHỐNG RỈ VINAGARD			
20	Sơn chống rỉ màu đỏ, đỏ M	V101	Th/17.5 L	800.000
21	Sơn chống rỉ màu xám		Th/17.5 L	850.000
22	SƠN DẦU			
23	Sơn dầu CADIN các màu	A110	Lon/0.8 L	93.000
24			Lon/03 L	279.000
25			Lon/05 L	465.000
26			Th/17.5 L	1.627.500
27	Sơn dầu CADIN chuyên cao	A110 PRO	Lon/0.8 L	110.000
28			Lon/05 L	550.000
29			Th/17.5 L	1.828.750

30	Sơn dầu không chì các màu (Trên: 10Th)	A1102	Th/17.5 L	1.925.000
31	Sơn dầu siêu nhanh khô, bền (15 phút khô bề mặt)	A 113	Lon/05 L	525.000
32			Th/17.5 L	1.837.500
33	Sơn dầu Clo vùng biển các màu	A114	Lon/0,8 L	130.000
34			Lon/05 L	650.000
35			Th/17.5 L	2.161.250
36	SƠN DẦU VINAGARD (các màu)	V110	Th/17.5 L	1.450.000
37	SƠN SẮT MẠ KẼM CADIN			
38	Sơn lót màu xám, đỏ	A120	Lon/0.8 L	85.000
39			Lon/03 L	255.000
40			Lon/05 L	425.000
41			Th/17.5 L	1.487.500
42	Sơn phủ kẽm đa năng các màu	A130	Lon/0.8 L	123.000
43			Lon/03 L	369.000
44			Lon/05 L	615.000
45			Th/17.5 L	2.152.500
46	SƠN DẦU HỆ NƯỚC (bám dính tốt bê tông, kim loại)			
47	Sơn dầu hệ nước kháng khuẩn (cây màu màu sơn nước)	A140	Lon/01 L	153.000
48			Lon/05 L	802.322
49			Th/18 L	2.625.780
50	Sơn chống rỉ hệ nước	A141	Lon/01 L	140.000
51			Lon/05 L	700.000
52			Th/18 L	2.394.000
53	SƠN ACRYLIC			
54	Sơn Acrylic (các màu)	A145	Lon/01 L	170.000
55			Lon/05 L	850.000
56			Th/18 L	2.907.000
57	SƠN VÂN BÔNG (1, 5, 20 KG)			
58	Sơn vân các màu 1 TP	A150	Kg	110.000
59	Sơn vân các màu 2 TP trong nhà	A156	Kg	140.000
60	Sơn vân các màu 2 TP ngoài trời	A157	Kg	180.000
61	BỘT TRÉT, MASTIC, VỮA			
62	Bột trét nội & ngoại thất VINAGARD	V162	Bao/40 Kg	150.000
63	Bột trét nội & ngoại thất CADIN	A160	Bao/40 Kg	300.000

64	Mastic dẻo trắng nội & ngoại thất không nứt: tường, gai găm, giả đá	A161	Th/25 Kg	450.000
65	Mastic epoxy trắng (9/1)	A162	Bộ/10 Kg	500.000
66	Mastic epoxy nâu (9/1)		Bộ/10 Kg	400.000
67	Mastic Poly (cho kim loại, nứt bê tông, gỗ chịu nhiệt)	A163	Bộ/01 Kg	80.000
68			Bộ/03 Kg	225.000
69	Sơn Gai, Găm các màu nội ngoại thất	A164	Th/25 Kg	1.700.000
70	VỮA - KEO CHÀ ROON			
71	Vữa dán gạch	A167	Bao/40 Kg	300.000
72	Keo chà roon	A168	Bao/25 Kg	250.000
73	SƠN NƯỚC NỘI THẤT			
74	Sơn nội thất VINAGARD (màu nhạt)	V170	Th/18 L	600.000
75			Th/3.8 L	128.333
76	Sơn nội thất VINAGARD che phủ (các màu)	V171	Th/18 L	850.000
77			Th/3.8 L	181.806
78	Sơn nội thất VINAGARD lau chùi (các màu)	V172	Th/18 L	1.050.000
79			Th/3.8 L	224.583
80	Sơn nội thất lau chùi CADIN mờ (các màu)	A170	Th/18 L	1.500.000
81			Th/05 L	458.333
82			Th/3.8 L	348.333
83	Sơn nội thất lau chùi CADIN bán bóng kháng khuẩn (các màu)	A171	Th/18 L	2.000.000
84			Th/05 L	611.111
85			Th/3.8 L	464.444
86	Sơn nội thất lau chùi CADIN bóng kháng khuẩn (các màu)	A172	Th/18 L	2.500.000
87			Th/05 L	763.889
88			Th/3.8 L	580.556
89	Sơn nội thất Ceramic CADIN (Sơn men: các màu)	M100	Bộ/20 Kg	3.000.000
90			Th/5 Kg	825.000
91	SƠN NƯỚC NGOẠI THẤT			
92	Sơn nước ngoại thất VINAGARD (màu nhạt)	V180	Th/18 L	900.000
93			Th/3.8 L	209.000
94	Sơn nước ngoại thất VINAGARD che phủ (các màu)	V181	Th/18 L	1.200.000
95			Th/3.8 L	278.667
96	Sơn nước ngoại thất VINAGARD chống thấm (các màu)	V182	Th/18 L	1.500.000
97			Th/3.8 L	348.333

98			Th/18 L	1.800.000
99	Sơn ngoại thất chống thấm CADIN mờ (các màu)	A180	Th/05 L	550.000
100			Th/3.8 L	418.000
101	Sơn ngoại thất chống thấm CADIN bán bóng (các màu)	A181	Th/18 L	2.300.000
102			Th/05 L	702.778
103			Th/3.8 L	534.111
104	Sơn ngoại thất chống thấm bóng CADIN (các màu)	A182	Th/18 L	2.800.000
105			Th/5 L	777.778
106	Sơn Silicon CADIN ngoại thất (Co dẫn, che phủ, chống thấm) các màu	S200	Th/18 L	4.000.000
107			Th/5 L	1.111.111
108	TINH MÀU			
109	Màu acrylic hệ nước (Vẽ....)	T100	Chai/100ml	50.000
110	Xanh dương, lá cây, vàng, đỏ, đen		Chai/200ml	90.000
111	Màu acrylic hệ dung môi (Vẽ....)	T200	Chai/100ml	55.000
112	Xanh dương, lá cây, vàng, đỏ, đen		Chai/200ml	100.000
113	SƠN CHỐNG THẤM HỆ DẦU			
114	Sơn lót chống thấm, chống ố hệ dầu	A185	Th/05 Kg	550.000
115			Th/20 Kg	2.200.000
116	Sơn chống thấm hệ dầu bóng cho tường đứng các màu	A186	Th/05 Kg	600.000
117			Th/20 Kg	2.400.000
118	SƠN LÓT KHÁNG KIỀM			
119	Sơn lót kháng kiềm nội & ngoại VINAGARD	V190	Th/18 L	800.000
120			Th/3.8 L	185.778
121	Sơn lót kháng kiềm chống thấm nội & ngoại cao cấp CADIN	A190	Th/18 L	1.588.950
122			Th/3.8 L	368.990
123	Sơn lót kháng kiềm nội & ngoại CADIN trong (tăng cứng)	A191	Cal/20 L	2.185.000
124			Th/18 L	1.966.500
125			Th/05 L	575.000
126	Sơn lót kháng kiềm chống thấm nội & trong suốt VINAGARD	V191	Th/18 L	990.000
127			Th/05 L	275.000
128	SƠN KỂ VẠCH, PHẢN QUANG HỆ DM			
129	Màu đỏ, vàng, vàng M, xanh, trắng, đen	KV100	01 Kg	130.000
130			05 Kg	585.000
131			20 Kg	2.340.000

132	SƠN KẼ VẠCH, PHẢN QUANG HỆ DM VINAGARD			
133	Màu: đỏ, vàng, xanh, trắng, đen	VN100	05 Kg	525.000
134			20 Kg	1.995.000
135	SƠN KẼ VẠCH PHẢN QUANG HỆ NƯỚC			
136	Màu: đỏ, vàng, xanh, trắng, đen	KV200	01 L	158.000
137			05 L	800.000
138			18 L	2.592.000
139	SƠN KẼ VẠCH HỆ NƯỚC VINAGARD			
140	Màu: đỏ, vàng, xanh, trắng, đen	VN200	01 L	130.000
141			05 L	650.000
142			18 L	2.223.000
143	SƠN LÓT KẼ VẠCH ĐƯỜNG HỆ DM			
144		KV300	Lon/01 L	85.000
145	Sơn lót màu trong (Áp dụng cho KV100, KV 400)		Lon/05 L	416.000
146			Th/18 L	1.500.000
147	SƠN KẼ VẠCH PHẢN QUANG 2TP (chống mài mòn cao)			
148	Ngoài trời: Màu Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh	KV500	Bộ/01 Kg	175.000
149			Bộ/05 Kg	875.000
150			Bộ/20 Kg	3.325.000
151	SƠN KẼ VẠCH PHẢN QUANG NHIỆT DỄ			
152	Sơn kẻ vạch nhiệt dẻo trắng	KV400	Bao/25 Kg	609.900
153	Sơn kẻ vạch nhiệt dẻo vàng		Bao/25 Kg	642.000
154	HẠT PHẢN QUANG			
155	Hạt phản quang 20%	KV600	Bao/25Kg	550.000
156	SƠN EPOXY HỆ NƯỚC			
157	Sơn lót màu trong	A201	Bộ 1 Kg	145.000
158			Bộ 5 Kg	725.000
159			Bộ 20 Kg	2.755.000
160	Sơn phủ epoxy kháng khuẩn các màu	A202	Bộ 1 Kg	160.000
161			Bộ 5 Kg	800.000
162			Bộ 20 Kg	3.040.000
163	SƠN EPOXY CADIN HỆ DM CHO BÊ TÔNG VÀ KIM LOẠI			
164	Sơn lót màu trong cho sàn bê tông (4/1)	A210	Bộ 1 Kg	117.700
165			Bộ 5 Kg	588.500

166			Bộ 20 Kg	2.353.893
167	Sơn lót nền ẩm cho sàn bê tông (4/1) (màu nâu)	A211	Bộ 1 Kg	135.000
168			Bộ 5 Kg	675.000
169			Bộ 20 Kg	2.565.000
170	Sơn lót epoxy chống ăn mòn cho bê tông (4/1)	A217	Bộ 1 Kg	150.000
171			Bộ 5 Kg	750.000
172			Bộ 20 Kg	2.850.000
173	Sơn lót màu: đỏ, xám kẽm cho kim loại (4/1)	A220	Bộ 1 Kg	117.700
174			Bộ 5 Kg	588.500
175			Bộ 20 Kg	2.353.893
176	Sơn lót giàu kẽm chống ăn mòn cho kim loại (9/1)	A221	Bộ/10 Kg	1.185.600
177			Bộ/25 Kg	2.964.000
178	Sơn epoxy trung gian	A212	Bộ 10 Kg	1.050.000
179			Bộ 20 Kg	2.100.000
180	Sơn phủ các màu bóng cho bê tông, kim loại (4/1)	A213	Bộ 1 Kg	117.700
181			Bộ 5 Kg	588.500
182			Bộ 20 Kg	2.353.893
183	Sơn epoxy thủy tinh (4/1)	A214	Bộ 10 Kg	1.750.000
184			Bộ 20 Kg	3.500.000
185	Sơn phủ chịu mài mòn, kháng nước, va đập các màu (4/1)	A215	Bộ 1 Kg	140.000
186			Bộ 5 Kg	700.000
187	Sơn phủ epoxy nội ngoại thất (4/1)	A216	Bộ 1 Kg	135.000
188			Bộ 5 Kg	675.000
189			Bộ 20 Kg	2.565.000
190	SƠN EPOXY VINAGARD HỆ DM CHO BÊ TÔNG VÀ KIM LOẠI			
191	Sơn lót trong suốt cho bê tông	V201	Bộ 05 Kg	475.000
192			Bộ 20 Kg	1.900.000
193	Sơn lót đỏ xám cho kim loại	V202	Bộ 05 Kg	450.000
194			Bộ 20 Kg	1.900.000
195	Sơn phủ các màu bê tông, kim loại	V213	Bộ 05 Kg	500.000
196			Bộ 20 Kg	2.000.000
197	SƠN EPOXY ĐA CHUYÊN DỤNG			
198	EPOXY KHÁNG HÓA CHẤT			
199	Sơn epoxy cho bồn chứa xăng dầu (Màu trong, trắng)	A224	Bộ 05 Kg	850.000

200			Bộ 20 Kg	3.230.000
201	Sơn epoxy tar (Cho các công trình âm dưới nước, kháng hóa chất nhẹ)	A225	Bộ 05 Kg	723.000
202			Bộ 20 Kg	2.750.000
203	Sơn epoxy kháng nước (Cho các công trình âm dưới nước, đất, kháng hóa chất nhẹ)	A226	Bộ 05 Kg	900.000
204			Bộ 20 Kg	3.420.000
205	Sơn epoxy kháng hóa chất (axit, HCl, H2SO4)	A227	Bộ 05 Kg	1.000.000
206			Bộ 20 Kg	3.800.000
207	EPOXY CHO BỂ NƯỚC SINH HOẠT			
208	Sơn epoxy cho hồ nước sinh hoạt (Màu trong, trắng)	A228	Bộ 05 Kg	950.000
209			Bộ 20 Kg	3.610.000
210	EPOXY CHỐNG TĨNH ĐIỆN			
211	Sơn epoxy đệm chống tĩnh điện	A229	Bộ 05 Kg	750.000
212			Bộ 20 Kg	3.000.000
213	Sơn epoxy phủ chống tĩnh điện san phẳng (các màu, cho sàn)	A230	Bộ 05 Kg	950.000
214			Bộ 20 Kg	3.610.000
215	Sơn epoxy phủ chống tĩnh điện độ cứng cao (các màu)	A231	Bộ 05 Kg	950.000
216			Bộ 20 Kg	3.610.000
217	Sơn epoxy lót chống tĩnh điện (màu xám cho kim loại)	A232	Bộ 05 Kg	700.000
218			Bộ 20 Kg	2.660.000
219	Sơn epoxy phủ chống tĩnh điện (các màu)	A233	Bộ 05 Kg	750.000
220			Bộ 20 Kg	2.850.000
221	SƠN EPOXY TỰ PHẪNG			
222	Sơn phủ các màu (4/1) không sử dụng dung môi	A250	Bộ 01 Kg	135.000
223			Bộ 05 Kg	675.000
224			Bộ 20 Kg	2.565.000
225	Sơn Epoxy tự san phẳng 3D (2/1) không dung môi	A251	Bộ 1.5 Kg	255.000
226			Bộ 03 Kg	510.000
227			Bộ 15 Kg	2.422.500
228	Sơn đệm tự san phẳng màu xám (8/1/2)	A252	Bộ 11 Kg	990.000
229			Bộ 22 Kg	1.980.000
230	Sơn phủ sàn chịu axit các màu không dung môi (4/1)	A253	Bộ 05 Kg	675.000
231			Bộ 20 Kg	2.700.000
232	Sơn đá epoxy tự san phẳng (9/1)	A254	Bộ 08 Kg	880.000
233			Bộ 25 Kg	2.640.000

234	SƠN EPOXY TỰ PHẪNG VINAGARD			
235	Sơn phủ các màu (4/1) không sử dụng dung môi	V250	Bộ 01 Kg	125.000
236			Bộ 05 Kg	625.000
237			Bộ 20 Kg	2.375.000
238	Sơn Epoxy tự san phẳng 3D (2/1) không dung môi	V251	Bộ 1.5 Kg	240.000
239			Bộ 03 Kg	480.000
240			Bộ 15 Kg	2.280.000
241	Sơn đệm tự san phẳng màu xám (8/1/2)	V252	Bộ 11 Kg	880.000
242			Bộ 22 Kg	1.760.000
243	SƠN PU			
244	Sơn PU phủ các màu bóng ngoài trời	A260	Bộ 1 Kg	162.640
245			Bộ 5 Kg	813.200
246			Bộ 20 Kg	3.252.693
247	Sơn PU phủ các màu bóng ngoài trời cho tàu biển	A261	Bộ 1 Kg	185.000
248			Bộ 5 Kg	925.000
249			Bộ 20 Kg	3.515.000
250	Sơn PU phủ các màu bóng ngoài trời mềm	A262	Bộ 1 Kg	180.000
251			Bộ 5 Kg	900.000
252			Bộ 20 Kg	3.420.000
253	Sơn PU đa năng các màu bóng	A270	Bộ 1 Kg	173.340
254			Bộ 5 Kg	866.700
255			Bộ 20 Kg	3.466.693
256	Sơn PU đa năng nhanh khô, bóng mờ, mờ	A270F	Bộ 1 Kg	180.000
257			Bộ 5 Kg	900.000
258			Bộ 20 Kg	3.420.000
259	Sơn PU Century các màu bóng - Kháng nước, hóa chất, bền màu - Độ bền trên 20 năm, chuyên cho các công trình trọng điểm	X270	Bộ 1 Kg	400.000
260			Bộ 5 Kg	2.000.000
261			Bộ 20 Kg	7.600.000
262	SƠN PU VINAGARD			
263	Sơn PU phủ các màu bóng ngoài trời	V260	Bộ 5 Kg	750.000
264			Bộ 20 Kg	2.850.000
265	Sơn PU đa năng các màu bóng ngoài trời	V270	Bộ 5 Kg	775.000
266			Bộ 20 Kg	2.945.000
267	SƠN PU KHO LẠNH (-5 độ - 20 độ C)			

268	Sơn PU kho lạnh tự san phẳng (4/4/14)	A276	Bộ 22 Kg	1.534.960
269			Bộ 5.5 Kg	422.114
270	Sơn PU kho lạnh lên tường cho kim loại và bê tông	A277	Bộ 5 Kg	900.000
271	SƠN 2K SƠN NGOÀI TRỜI CHỐNG NGẮ VÀNG (1,5, 20 KG)			
272	Trong suốt	A280	Kg	180.000
273	Sơn phủ các màu		Kg	190.000
274	Trong suốt chống trầy xước cao (2/1)	A280H	Kg	200.000
275	KEO BÓNG			
276	Keo bóng 1K (màu trong)	A301	Lon/0.8 L	115.000
277			Lon/03 L	345.000
278			Lon/05 L	575.000
279			Th/18 L	1.966.500
280	Keo bóng NANO hệ nước (Bám dính cao, bóng cho kim loại, sơn đá, gai, găm ngoài trời)	A302	Lon/0.8 L	139.100
281			Cal/05 L	695.500
282			Th/18 L	2.503.800
283	Keo bóng phản quang hệ dầu	A303	Bộ/05 L	1.700.000
284	Keo bóng nước chống thấm (Cho sơn nước, sơn đá, gai, găm trong ngoài trời)	A304	Cal/05 L	775.000
285			Th/18 L	2.650.500
286	Dầu điều (bóng điều)	A305	Cal/05 Kg	250.000
287			Cal/10 Kg	500.000
288	Keo bóng dầu (Alkyd)	A306	Lon 01 L	110.000
289			Lon 05 L	550.000
290			Th/18 L	1.881.000
291	SƠN NHỰA			
292	Sơn lót hệ DM	A310	Lít	120.000
293	Sơn phủ các màu hệ DM	A316	Lít	125.000
294	SƠN MÀU ĐẶC BIỆT			
295	Sơn nhũ hệ nước: màu vàng 999, đồng, bạc, xanh	A320	0.8 L	200.000
296			5 L	1.000.000
297			18 L	3.420.000
298	Sơn nhũ hệ DM: màu vàng 999, đồng, bạc, xanh	A321	0.8 L	190.000
299			5 L	950.000
300			18 L	3.249.000
301	Sơn huỳnh quang (trong nhà) hệ nước	A322	Lít	150.000

302	Sơn dạ quang hệ nước trong nhà xanh, vàng	A323	Lít	150.000
303	SƠN GỐM SỨ			
304	Sơn cho các chậu kiểng hệ dầu (các màu)	A330	Kg	120.000
305	SƠN ĐÁ (CADIN STONE)			
306	Sơn nền hạt trắng	A340	Th/25 Kg	743.650
307			Lon/05 Kg	163.603
308	Sơn đá phủ màu bằng màu	A341	Th/25 Kg	1.300.000
309			Lon/05 Kg	260.000
310	SƠN HIỆU ỨNG			
311	Sơn hiệu ứng trắng	A345	Lon/05 Kg	308.000
312			Th/25 Kg	1.400.000
313	Sơn hiệu ứng các màu	A346	Lon/05 Kg	396.000
314			Th/25 Kg	1.800.000
315	SƠN SẮY			
316	Sơn sấy hệ dung môi các màu	A350	Th/20 Kg	2.500.000
317	Sơn sấy hệ nước các màu	A355	Th/20 Kg	2.700.000
318	CHỐNG THẤM			
319	Chống thấm xi măng cho sàn và tường	A360	Lon/1 Kg	96.300
320			Th/04 Kg	385.200
321			Th/20 Kg	1.829.700
322	Chống thấm cho ngói, gốm	A361	Lon/1 Kg	120.000
323			Cal/5 Kg	406.600
324	Keo lót chống thấm Silicone (cho sàn và tường)	S100L	Lon/1 L	130.000
325			Lon/04 L	520.000
326			Th/18 L	2.223.000
327	Keo chống thấm sàn Silicone (Trong suốt, co giãn 500%)	S100	Lon/1 Kg	155.000
328			Lon/04 Kg	620.000
329			Th/20 Kg	2.945.000
330	Chống thấm tường PUD (các màu)	A363	Bộ/1 Kg	165.000
331			Bộ/05 Kg	783.750
332			Bộ/20 Kg	2.970.000
333	Chống thấm đen bitum	A364	Th/18 Kg	909.500
334			Lon/3.5 Kg	193.670
335	Chống thấm ngược, kháng ẩm cho sàn, thành bê tông	A365	Bộ/1 Kg	115.000

336			Bộ/05 Kg	546.250
337			Bộ/20 Kg	2.070.000
338	Chống thấm composite cho sàn và thành bể nước	A366	Bộ/5.1 Kg	663.000
339			Bộ/20.4 Kg	2.519.400
340	SƠN NGÓI			
341	Sơn lót ngói gốc nước	A370	Lon/1 L	120.000
342			Th/05 L	600.000
343			Th/18 L	2.052.000
344	Sơn phủ chống thấm, chống rêu mốc, bền màu gốc nước (các màu)	A371	Lon/1 L	173.000
345			Th/05 L	850.000
346			Th/18 L	2.958.300
347	Sơn phủ chống thấm, chống rêu mốc, bền màu gốc dầu (các màu)	A372	Lon/1 Kg	150.000
348			Th/05 Kg	750.000
349			Th/20 Kg	2.850.000
350	SƠN CHỐNG NÓNG, CÁCH NHIỆT			
351	Sơn chống nóng, cách nhiệt cho tường đứng hệ nước	A380	Lon/3.8 L	583.245
352			Lon/05 L	767.428
353			Th/18 L	2.762.740
354	Sơn chống nóng, cách nhiệt hệ dầu cho mái tôn	A381	Lon/05 L	900.000
355			Th/18 L	3.078.000
356	Sơn chống nóng, cách nhiệt mái tôn hệ 2 TP (4/1)	A382	Bộ/01 Kg	200.000
357			Bộ/05 Kg	1.000.000
358			Bộ/20 Kg	3.800.000
359	Vữa chống nóng (cho sàn sân thượng)	A383	Lon/05 L	
360			Th/18 L	
361	SƠN THỂ THAO (CADIN SPORT)			
362	Sơn đệm giảm chấn cao su màu đen, xám	A384	Th/20 Kg	1.900.000
363			Lon/05 Kg	475.000
364	Sơn phủ màu co giãn, chịu mài mòn không cát	A385	Th/20 Kg	3.000.000
365			Lon/05 Kg	750.000
366	Sơn phủ màu co giãn, sần, chịu mài mòn có cát, (cho sân Tennis, Pickleball)	A386	Th/20 Kg	2.500.000
367			Lon/05 Kg	625.000
368	SƠN THỂ THAO (VINAGARD SPORT)			
369	Sơn đệm giảm chấn cao su màu đen, xám	V384	Th/20 Kg	1.500.000

370			Lon/05 Kg	375.000
371	Sơn phủ thể thao chịu mài mòn, co giãn có cát	V386	Th/20 Kg	2.000.000
372			Lon/05 Kg	500.000
373	SƠN KÍNH			
374	Sơn kính trong nhà các màu (2 TP)	A390	Kg	210.000
375	Sơn kính ngoài trời các màu (2 TP)	A391	Kg	220.000
376	Sơn kính ngoài trời chống nóng các màu (2 TP)	A391P	Kg	230.000
377	Sơn kính màu dye (nhìn xuyên qua)	A392	Kg	210.000
378	Sơn lót cho kính (màu trong 2 TP)	A393	Kg	200.000
379	SƠN CHỊU NHIỆT (CADIN HEAT: 1, 5, 20Kg)			
380	Chịu nhiệt 200 độ C			
381	Sơn lót chịu nhiệt cho sắt mạ kẽm 1 TP đỏ, xám	A421	Kg	190.000
382	Sơn lót chịu nhiệt giàu kẽm 1 TP	A425	Kg	200.000
383	Sơn phủ các màu 1 TP	A423	Kg	200.000
384	Sơn lót chịu nhiệt màu xám 2 TP	A422	Kg	190.000
385	Sơn phủ các màu 2 TP	A424	Kg	200.000
386	Chịu nhiệt 300 độ C			
387	Sơn lót chịu nhiệt màu xám, đỏ 1 TP	A431	Kg	200.000
388	Sơn phủ chịu nhiệt các màu 1 TP	A432	Kg	220.000
389	Chịu nhiệt 400 độ C			
390	Sơn lót màu đỏ bầm, xám	A441	Kg	210.000
391	Sơn phủ các màu đỏ, xanh, vàng	A442	Kg	240.000
392	Chịu nhiệt 600 độ C			
393	Sơn lót màu đỏ, xám	A461	Kg	220.000
394	Sơn phủ màu nhũ bạc, đen	A462	Kg	240.000
395	Sơn phủ màu nhũ bạc sáng	A463	Kg	250.000
396	CHỐNG CHÁY			
397	Dich chống cháy cho gỗ, vải	A450	Lon/01 L	110.000
398			Lon/05 L	550.000
399			Th/18 L	1.881.000
400	Sơn chống cháy cho sắt thép (hệ nước, hệ dầu)	A451	Th/20 Kg	2.900.000
401	SƠN CHỐNG HÀ			
402	Sơn chống hà 24 tháng (màu nâu, đỏ, blue)	A501	Lon/05 L	2.500.000
403			Th/15 L	7.500.000

404	SƠN Ô TÔ			
405	Sơn lót 1 TP	A510	Kg	120.000
406	Sơn lót 2 TP	A516	Kg	130.000
407	Sơn phủ 1 TP trên kim loại các màu	A520	Kg	180.000
408	Sơn phủ 1 TP trên nhựa các màu	A526	Kg	175.000
409	Sơn phủ 2 TP các màu	A530	Kg	250.000
410	HÓA CHẤT, PHỤ GIA			
411	Tăng bám dính inox	A600	Lon/01 Kg	85000
412			Cal/05 Kg	425.000
413			Cal/25 Kg	2.075.000
414	Chất tẩy rỉ sét, tăng bám dính cho kim loại	A601	Lon/01 Kg	85000
415			Cal/05 Kg	425.000
416			Cal/25 Kg	2.075.000
417	Chất tẩy dầu nhớt cho kim loại và bê tông	A602	Lon/01 Kg	85000
418			Cal/05 Kg	425.000
419			Cal/25 Kg	2.075.000
420	Chất tẩy sơn	A603	Lon/01 Kg	120.000
421			Cal/05 Kg	570.000
422			Cal/25 Kg	2.160.000
423	Chất kết nối bê tông cũ và mới, chống thấm	A604	Lon/1 L	80.250
424			Cal/5 L	401.250
425	Dầu tách khuôn	A605	Cal/5 L	267.500
426			Cal/25 L	1.337.500
427	Tăng cứng, bóng cho sàn bê tông	A606	Cal/5 L	450.000
428			Cal/25 L	2.137.500
429	COMPOSITE			
430	Lớp lót đệm composite	A701	Bộ 5.1 Kg	408.000
431			Bộ 20.4 Kg	1.532.000
432	Mastic composite đệm	A706	Bộ 10.1 Kg	400.000
433	Lớp phủ màu composite	A710	Bộ 1.02 Kg	170.000
434			Bộ 5.1 Kg	850.000
435			Bộ 20.4 Kg	3.230.000
436	NGÀNH KEO			
437	Keo epoxy trám khe nứt bê tông (1/1)	A730	Bộ/2 Kg	300.000

438			Bộ/08 Kg	1.140.000
439	Keo dán epoxy (TL: 2/1, dán đá granite, cấy thép lên bê tông)	A731	Bộ/3 Kg	390.000
440			Bộ/12 Kg	1.482.000
441	VẬT LIỆU XÂY DỰNG			
442	Vữa xây dựng			
443	Vữa tự san phẳng	A901	Bao/25 Kg	285.000
444	Vữa xoa nền			
445	Màu xám	A903	Bao/25 Kg	165.000
446	Màu xanh		Bao/25 Kg	415.000
447	Keo LATEX (chống thấm, kết nối, tăng cứng)	A920	Lon/01 L	110.000
448			Lon/05 L	550.000
449	DUNG MÔI			
450	Cho: KV, Epoxy, PU, Dầu, Mạ kẽm	H101	1L	45.000
451			05 L	225.000
452			20 L	900.000
453	Cho: Sơn dầu, chống rỉ	H102	1L	35.000
454			05 L	175.000
455			20 L	700.000
456	Cho: Sơn chống mài mòn, san phẳng	H105	1L	60.000
457			05 L	300.000
458			20 L	1.200.000